



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV # _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

VEWL. # _____

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU TOT
Last Middle First

Current Address 24/2 ấp 40 Xã Mỹ Hòa 2. Chi. Thanh Phú Tỉnh Bến Tre

Date of Birth 10-11-1955 Place of Birth Thanh Phú - Tỉnh Bến Tre

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/FATHER)

Previous Occupation (before 1975) Trung tá Hạng 1 Quân đội Việt Nam
(Rank & Position) 5081DP K.B.C. 6247

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1973 To DEATH DATE: 01/1975

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

Nguyễn Hữu Côt
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Hữu Côt	10-11-1955	chủ gia đình
Lê Thị Lệ	25-11-1957	Vợ
Nguyễn Hữu Trọng Bình	28-02-1984	Con.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NGÔ TRIỀU HÙNG

FONTENAY / BOIS , ngày 10 / 12 / 1989

Hồ sơ : NGUYỄN HỮU TỐT

Kính gửi ,
Bà HỘI TRƯỞNG
HGD TNCT VIỆT NAM
P.O BOX 5435
ARLINGTON VA 22205 - 0635
U . S . A

Kính thưa Bà ,

Tiếp theo thư gửi ngày 24/06/1989 để lập hồ sơ cho người em chúng tôi , nay chúng tôi nhận được thư trả lời và được cho biết thêm nhiều điều làm chúng tôi ~~lao-mac~~ không ít về tiêu chuẩn của chương trình ODP.

Theo trong lời thư người em gửi cho chúng tôi (chúng tôi xin gửi kèm theo bản sao) thì :

1 _ Sau ngày 30-4-1975 , tất cả quân nhân , công chức đều phải trình diện và đi học tập . Dĩ nhiên là tùy theo chức vụ mà thời gian học tập lâu hay ngắn. Ông TỐT , cũng như bao nhiêu quân nhân khác , đã trình diện và bị đi học tập trên hai năm thì được khoan hồng tha về . Vì không chịu được sự đối xử tàn bạo của kẻ chiến thắng đối với đồng bào , ông Tốt đã tham được cuộc nổi dậy và đã chiếm đóng được tỉnh BẾN TRE trong đôi ba ngày để rồi vì cớ thế mà bị bắt sau đó . Vấn đề khởi sự từ chỗ này :

- Khi bị bắt , tất cả giấy tờ đều bị tịch thu và bị hủy bỏ , bị xét xử , phạt tù từ 1978 đến 1982 mới được tha .

- Nay khi đi nộp đơn theo diện ODP thì bị các đại diện ODP từ chối nhận đơn , cho là không phải tù nhân cải tạo , phải tìm trở lại giấy tờ cải tạo cũ thì mới được .

2 _ Vậy thì chúng tôi có đôi câu hỏi xin Bà vui lòng chỉ bảo cho chúng tôi được rõ để chúng tôi có thể giải thích cho người nhà .

- Trường hợp của ông TỐT có phải là trường hợp tù cải tạo hay không? Do là trường hợp một quân nhân VNCH tham gia kháng chiến chống lại CS rồi lại bị tù có phải là tù nhân chính trị hay không ? Nếu phải thì tại sao văn phòng ODP lại từ chối đón xin của ông TỐT ?

- Nếu không thì thế nào là một tù nhân cải tạo ? Theo tiêu chuẩn nào là một tù nhân cải tạo ? Nếu bảo là TNCT (tù nhân cải tạo) phải là một người có làm việc với chính quyền cũ và bị bắt đi tù ; vậy thì trường hợp ông TỐT sẽ ra sao ?

Thư đã dài , chúng tôi xin lỗi đã làm phiền Bà khá nhiều , nếu có thể xin Bà cho xin vài nghị định của chính phủ Mỹ về TNCT (bản tiếng Mỹ và bản dịch) để tôi gửi về VN . Thành thật cảm tạ Bà và quý hồi .

Nay kính thư



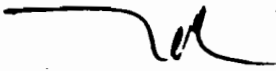
Ps : Gửi kèm theo thư
- coupon reponse .

• Kính gửi Anh Chi Hòa!

Anh Ba Phở này gửi thư cho Chi và
Mười. Chào Anh Ba và nói cho Anh Chi và mười đề xuất
Cười. Riêng em có thêm một nội dung Anh Chi và
mười nói cách này này, đây, từ này gọi, từ ở bên
này không phải là ODP mà gọi ra trái của
tổ chức từ chính là cách này V.N, như cùng hợp
của Bm và Anh Phở. Chi có khi nào gọi ra trái
còn tại chi đó ở em, anh. Từ và Anh Ba từ
lấy gọi từ khi từ bắt đầu này. Thật ra mà anh
Anh Chi và có thể từ từ bắt đầu, cao cao. Nhưng
em sẽ có ứng dụng này lại như gọi ra trái
lưu trữ từ lấy từ từ ở "ODP" so sánh, từ
viết làm ít dòng từ Anh Chi và. Ở v.v. anh
chưa như vậy đó.

Chúc Anh Chi cái này và gia đình
Mười một năm gần đây thật nhiều may mắn
mọi thứ tốt.

Bm


Dòng.

NGÔ TRIỀU HÙNG

FONTENAY / BOIS , ngày 24 / 08 / 1989

Kính gửi BÀ HÒI TRƯỞNG
H.G.D.T.N.C.T. VIỆT NAM
P.O.BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
U . S . A

Thưa Bà ,

Lại một lần nữa , tôi xin làm phiền đến bà về vấn đề TNCT . Kèm theo thư này , tôi gửi đến quý hội một hồ sơ của một quân nhân VNCH đã là nạn nhân của bạo quyền CS và cũng là người em bà con bên vợ của tôi . Hồ sơ gồm có :

1/ Hồ sơ bảo trợ (gồm những giấy gì ? xin cho chúng tôi mẫu)

2/ * Giấy ra trại QLCT.PN. số 285 . GRT ngày 23/8/1983 .

* Lệnh tha do sở công an Bến Tre số 1007/LT

3/ Giấy hồ tịch của đường sự , vợ và con đường sự . hôn thú , giấy hộ khẩu , căn cước của vợ (chồng không có vì mất quyền công dân) .

4/ Chứng chỉ TU NGHIỆP và TỐT NGHIỆP HẠ SĨ QUAN của QLVNCH .

Thưa bà , hiện thời chúng tôi chỉ có bấy nhiêu tài liệu của người em bà con , chúng tôi xin gửi hết đến bà và kính nhờ bà cầu xét hồ sơ xem còn cần phải bổ túc gì thêm cho chúng tôi biết nhất là một câu hỏi của ODP , chúng tôi chưa có , nếu được xin bà gửi cho chúng tôi mẫu đơn .

Trong khi chờ đợi sự giúp đỡ của quý hội , xin bà nhận lời , đây lòng thành kính tri ơn của gia đình chúng tôi , và xin chúc quý hội hoàn thành sứ mạng cao quý nói trên .

P.S. Dính kèm theo

1. Coupon Reponse

1. Thư đi địa chỉ hồ sơ .

Nay kính thư





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV # _____

VEWL.# _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

I-171: Yes, No

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN HUU TOT
Last Middle First

Current Address 24/2 ấp 40 Xã Mỹ Hòa 2. Chi. Thanh Phú Tỉnh Bến Tre

Date of Birth 10-11-1955 Place of Birth Thanh Phú - Tỉnh Bến Tre

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

Previous Occupation (before 1975) Cung cấp hàng hóa cho lực lượng vũ trang
(Rank & Position) 508/ĐP K. B. C. 6247

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 1973 To DEATH DATE: 07/05/1975

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ TÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU TOT
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH Ngày 10 Th 11 - 1965 - Xã Hồng Phú - Giồng Trôm - tỉnh Bến Tre
(Nam, nơi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): NAM Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 24/2 ấp 40 (xã Hồng Phú) xã Châu Thành - huyện
(Dia chi tai Viet-Nam) Châu Thành (tỉnh Bến Tre)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) YES No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 01-03-1978 To (Den): 23-08-1982

PLACE OF RE-EDUCATION: K. 22 pho Cai Lậy S. Công An tỉnh Bến Tre
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Làm ruộng

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung Sĩ I

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Hà Sĩ Quan Tiếp Liền Tiền Hành
50E/P2. C/K. Thành Phố Date (nam): 1973 - đến ngày
KBC: 6247 01-05-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03 (BA)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 24/2, ấp 40 xã Hồng Phú - huyện
Châu Thành - tỉnh Bến Tre

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Hà - Tiến - Hùng - Lê nguyễn Cảnh - Lê Hồng Minh

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: 24/2 ấp 40 (xã Hồng Phú) xã Châu Thành - tỉnh Bến Tre
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)
07 10 1989

Val

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN HUU TOT
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH Ngày 10-11-1955. Xã Hồng Phú - Giồng Trôm - Vĩnh Bình Tre
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): Nam Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 24/2 ấp 40 (xã Hồng Phú) xã Hồng Phú - Huyện
(Dia chi tai Viet-Nam) Thị trấn (Vĩnh Bình Tre)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) Yes No (Khong) _____

If Yes (Neu co): From (Tu): 01-03-1978 To (Den): 23-08-1982

PLACE OF RE-EDUCATION: K. 22 pho Cai Luy Sĩ Công An Vĩnh Bình Tre.
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Lâm Nghiệp

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung Sĩ I

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): Hà Sĩ Quan Tiếp Liệu Quân
508/ĐP. C/K. Thanh Phú Date (nam): 1978-đến nay
K.B.C: 6247 01-05-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): _____
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03 (BA)
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 24/2 ấp 40 xã Hồng Phú - Huyện
Thị trấn (Vĩnh Bình Tre)

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Ngô - Văn Hùng - Lê Ngọc Sơn - Lê Hồng Minh

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): _____ No (Khong): FRANCE

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): _____

NAME & SIGNATURE: _____

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT _____

Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: Ngày 10-11-1989
24/2 10 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

07

10

1989

24

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Nguyễn Hữu 1
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Nguyễn Hữu Cốt	10-11-1955	chị gái của mẹ
Lê Thị Liên	25-11-1959	vợ
Nguyễn Hữu - Cường Đình	28-02-1984	con

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TỈNH BẾN TRE
31.002/LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

LỆNH THA

Tôi PHẦN VĂN CHIẾN.
Chức vụ Thủ Giám đốc Công an tỉnh Bến tre

Căn cứ quyết định miễn tố số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____
đối với bị can Nguyễn Hữu Tốt. Can tội phản động " MTQGLK "

Căn cứ vào pháp luật hiện hành:

RA LỆNH THA

Họ và tên Nguyễn Hữu Tốt Bí danh _____
Sinh ngày tháng _____ năm 1955
Sinh quán Bến tre
Trú quán Xã Thới hạnh, huyện phủ, Bến tre
Nghề nghiệp _____

Ông giám thị trại tạm giam Tỉnh Bến tre
thi hành khi nhận được lệnh này.
Lệnh này gửi đến Ông Viện trưởng VKSND Tỉnh Bến tre
_____ đề tường.

Bến tre, Ngày 03 tháng 8 năm 19 82

Kí, Giám đốc CA Tỉnh
Thủ Giám đốc



NƠI NHẬN

- Ông Viện trưởng VKSND _____ đề biết
- _____ đề báo cáo
- Ông Giám thị trại tạm giam _____ đề thi hành
- _____ đề biết
- Dự phòng sự khi về trình với _____ biết
- Lưu hồ sơ

BỘ NỘI VỤ
Trại CLCT-PN
Số XX GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban
hành theo công văn số
2565 ngày 21 tháng 12
năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:
Thi hành án văn, quyết định tha số 1.007 ngày 23 tháng 8 năm 1982
của Quản an tỉnh Bình Thuận

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Nguyễn Hữu Cốt

Họ, tên thường gọi _____

Họ, tên bí danh _____

Sinh ngày 10 tháng 11 năm 1955

Nơi sinh Bình Thuận

Nơi đăng ký, nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt Phước Thành, Thuận Phước
Bình Thuận

Cán tội phạm tội (MTGQLK) An ninh nội địa / Q.14

Bị bắt ngày 11/3/78 Án phạt _____

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị täng án _____ lần, cộng thành _____ năm

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ tháng

Nay về cư trú tại Phước Thành

Nhận xét quá trình cải tạo

Lần tay nguyên trả phải

Của _____

Đánh bản số _____

Lập tại _____

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Nguyễn Hữu Cốt

ngày 23 tháng 8 năm 1982

GIÁM THỊ



Phạm Văn Đức

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỐI-CAO PHÁP-VIÊN

TRÍCH-LỤC ÁN THÔNG LỤC-SỰ TÒA

Ngày 5 tháng 6 năm 1977

Số 722/ĐTN

Án thi-vi khai-sanh cho
Nguyễn Hữu Tốt

Chánh Án :
Biện-Lý :
Lục-Sự :

kiến-hòa xử về việc

Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 5 tháng 6 năm 1977

gồm có các ông :
Lê Mân Kính

Đoàn Văn Hùng

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Nguyễn Văn Thắng

Chiếu theo đơn của

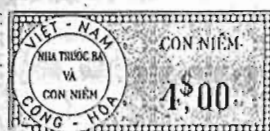
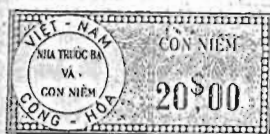
CƠ QUAN LÊ ẤY

Chứng nhận :

Phán rằng: Nguyễn Hữu Tốt, sinh ngày 10-11-1955

tại xã Lương Phú (Kiến-hòa) con của Nguyễn Văn Thắng

và Đinh Thị Sơ/-



trở trên

Phán rằng Án này thi-vi khai-sanh cho

Đặt giữ đoạn phán quyết in này vào sổ khai-sanh đương-niên

và lược biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày

giữ lại lưu-trữ công-văn

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại

Đặt nguyên đơn chịu bản án phí

Án này làm, xét và tuyên cho ngày tháng năm đã kê trên.

Ký tên :

Lê Mân Kính, Đoàn Văn Hùng

ts

5-8-77

Trước hạ tại

ngày

Quyển

Tờ

Số

Thầu

TRÍCH Y BẢN CHÁNH

kiến-hòa, ngày 4 tháng 2 năm 1977

CHÁNH LỤC-SỰ,

11:17/69/10/C

GIÁ TRỊ	
Còn niêm	21800
Bổng lộc	5300
Biên-lai	0350
Cộng-chung	29550

Lê Mân Kính

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

Ngày 8 tháng 4 năm 1972

Số 1-77/K

Án thế-vi khai-sanh cho

Lê thị Lân

Tòa Sơ Thẩm Kiến Hòa
Hộ trong phiên nhậm công khai
ngày 4 tháng 4 năm 1972
gồm có các ông:

Chánh-Án: Nguyễn Văn Mỹ
Biện-Lý: ...
Lục-Sự: Nguyễn Văn Huệ

đã lên bản án như sau:

BẢN ÁN

TÒA ÁN

Chiến theo đơn của Lê Văn Huệ

SỞI CÁC LỄ ÁY

Chứng nhận:

Phán rằng: Lê thị Lân, nữ, sinh ngày 25/11/1959

tại xã Thới Bình (huyện Lạc) là con đẻ trước cũ

Lê Văn Huệ và Nguyễn Thị Huệ.

Phán rằng Án này thế-vi khai-sanh cho trẻ trên
Đay ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương-niên xã trên

Đay lục biên án này vào lễ tờ khai-sanh gần nhất ngày như trên
giữ lại lưu-trữ công-văn xã trên
và Phòng Lục-Sự Tòa Án sơ tại

Đay nguyên-đơn chịu hết án phí
Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kê trên.

Ký tên: ... và ...

Trước-bắt lại ... ngày 23/5/72
Quyền ... Tờ ...
Thần

Số

TRÍCH Y BẢN CHÍNH

Kiến Hòa, ngày 4 tháng 2 năm 1972
CHÍNH LỤC-SỰ.

Lê Mộng Lân



DI 27/9/72/đ

GIÁ TIỀN	
Con niêm ..	24800
Bổng lộc. .	5300
Biên-lai ...	0850
Cộng-chung.	29350

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Thị trấn

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Thị trấn

Ngày

Tỉnh, Thành phố Thị trấn

Số

Quyển số 57

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên

Nguyễn Văn Tấn

Lê Thị Liên

Bí danh

Sinh ngày tháng

năm hay tuổi

22 Tháng 1982

27 Tháng 1982

Dân tộc

Quốc tịch

Nghề nghiệp

Kinh

Việt Nam

Làm ruộng

Kinh

Việt Nam

Làm ruộng

Nơi đăng ký

nhân khẩu

thường trú

24/2 Khu phố

Thị trấn

Thị trấn

53/2 Khu phố

Thị trấn

Thị trấn

Số giấy chứng minh nhân dân:

hoặc hộ chiếu

Đăng ký ngày 25 tháng 01 năm 1982

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D.

Xã

Thị trấn

Thị trấn

Thị trấn

Nguyễn Văn Tấn

Lê Thị Liên

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT3/P3

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 1020

Quyển số 01

Họ và Tên

NGUYỄN HỮU TRƯỜNG THỊNH

Nam, ☒

Sinh ngày

tháng, năm

28 - 02 - 1984

Nơi sinh

Xã Đả Khê, Huyện Chương Mỹ

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc

ngày, tháng, năm sinh)

Nguyễn Hữu Đức
10 - 11 - 1955Lê Thị Liên
25 - 11 - 1959

Dân tộc

Quốc tịch

Kinh

Kinh

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Nơi ĐKNK thường trú

Lâm Nghiệp

Lâm Nghiệp

Đ. Xã Đả Khê, Huyện Chương Mỹ

Đ. Xã Đả Khê, Huyện Chương Mỹ

Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK
thường trú, số giấy chứng
minh hoặc CNCC của
người đứng khai

Nguyễn Hữu Đức - 34t. Đ. Xã Đả Khê

Xã Đả Khê, Huyện Chương Mỹ

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đồng ký ngày tháng năm 198

Ngày 14 tháng 10 năm 1986

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

TM/UBND Thôn Thôn... ký tên đóng dấu



Ủy ban Thôn Thôn

Lê Văn Liên

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

[illegible]



QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TỔNG-THAM-MƯU
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

Chứng nhận NGUYỄN HỮU TỐT Số: 75/132.820.
đã tốt nghiệp Học khoá 8/13 Khoa Sĩ Quan Trữ Bị
mở tại Trường Sĩ Quan Huấn Luyện Lục Quân
từ ngày 23.4.1973 đến ngày 27.8.1973
Điểm trung bình 15,45/20 Thủ hạng 26/1768

THỊ-NHẬN SỐ

1505

(Tham chiếu ĐSQ 177/177.11.11.11.11.11)

Ngày 30-8-1973

ĐSQ 4523 ngày 27.8.1973



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
BỘ QUỐC - PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MƯU QLVNCH
TỔNG CỤC TIẾP-VẬN
BỘ CHỈ-HUY 4 TIẾP-VẬN

CHỨNG-CHỈ TU-NGHIỆP HẠ-SĨ-QUAN CÁN-BẢN TIẾP-LIỆU

Hội-đồng Giám-khảo kỳ thi mãn khóa tại Trung-Tâm Huấn-Luyện
Vùng 4 Tiếp-Vận từ ngày 01-12-74 đến 06-01-75.

Chứng-nhận Trung-sĩ **NGUYỄN VĂN TỐT** số quân TS/132820
đã trúng tuyển kỳ thi mãn khóa 2/74 TU-NGHIỆP HẠ-SĨ-QUAN/CÁN-BẢN/TIẾP-LIỆU/ĐẶC-BIỆT (ASCNQS: 668.2)
với điểm trung-bình chung 16,76 / 20 Thic hạng 25 / 135.

THỊ NHẬN

Số: 25 /TTHL/V4TV/HL

(T.C. Quyết định số 0017A ngày 06-01-75

của Bộ Chỉ-Huy 4 Tiếp-Vận)

KBC. 63.90, ngày 10 Th.1. 1975

Trung-Tá **TRẦN-HỮU-CÔNG**

CHỈ-HUY-TRƯỞNG

Trung-Tâm Huấn-Luyện Vùng 4 Tiếp Vận

Làm tại KBC. 63.90, ngày 10 Th.1. 1975

CHÁNH CHỦ KHẢO

Thiếu-Tá **LÂM-VĂN-MỪA**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **920349393**

Họ tên: **LE-THỊ-LÊN**

Sinh ngày **17** tháng **10** năm **1959**

Nguyên quán **Xã Thới Thạnh**
H. Thạnh Phú, T. Bến Tre

Nơi thường trú **Xã Thới Thạnh**
H. Thạnh Phú, T. Bến Tre

NGÔ TRIBU HUNG



DEC 18 1989

Bà KHUC MINH THO
HỘI TRƯỞNG
H . G . D . T . N . C . T . V . N
P.O . BOX 5435
ARLINGTON , VA 22205 - 0635
U . S . A

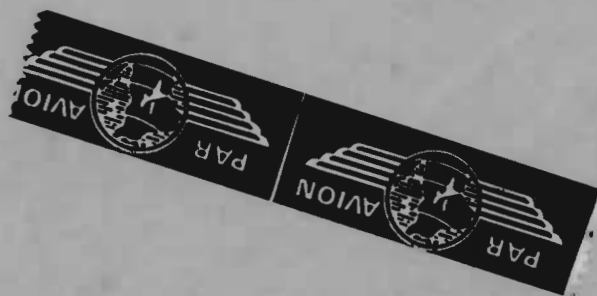


NGO TRIEU HUNG



**Mrs. KHUC MINH THO
H. G. D. T. N. C. T.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205 - 0635**

U. S. A





HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU TẤT
Last Middle First

Current Address: 40 XÃ THỜI-THANH - Huyện THANH-PHÚ - Tỉnh BẾN-TRÉ

Date of Birth: 10-November-1955 Place of Birth: LƯƠNG PHÚ (KIẾN HÒA)

Previous Occupation (before 1975) Sergeant Army VN.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1. March 1978 To 23. August 1982
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: A. NGO TRIEU HUNG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES ~~IN THE U.S.~~ FRANCE

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>M. LE-HOANG-MINH</u>	<u>19.1.34 610763</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

[Signature]

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 3
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN HUU TOT	10. Nov. 1955	Husband.
LE . THI . LEN	25. Nov. 1959	Wife.
NGUYEN-HUU-TRUONG-THINH	28. Nov . 1984	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL. #: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN HỮU TAT
Last Middle First

Current Address: 40 Xã THỚI-THANH - Huyện THANH-PHÚ - Tỉnh BẾN-TRÉ

Date of Birth: 10 - November - 1955 Place of Birth: LƯƠNG PHÚ (KIẾN HÒA)

Previous Occupation (before 1975) Sergeant Army VN.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 1. March 1978 To 23. August 1982
Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: A. NGO TRIEU HUNG
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES ~~IN THE U.S.~~ FRENCE

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>M. LE-HOANG-MINH.</u>	<u>19.1.34 610763</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: Apr 15

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : 3
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN HUU TOT	10. Nov. 1955	Husband
LE THI. LEN	25. Nov. 1959	Wife.
NGUYEN-HUU-TRUONG-THINH	28. Nov . 1984	SON

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

NGÔ TRIỀU HUNG

PONTENAY / BOIS , ngày 14 / 9 / 1989

Bà KHUC MINH THO
H . G . D . T . N . C . T
P . O . BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

Kính thưa Bà ,

Nhận được thư ngày 5 / 9 của hội trả lời , tôi vội vã trả lời
đề Bà được rõ .

1 .- Giấy điền , mẫu bằng tiếng ANH , chúng tôi đã điền
và đã gởi kèm theo thư đề ngày 24-8-1989 , gồm có hai bản . Nay tôi
lại nhận lại một mẫu giống như vậy , chúng tôi sẽ điền một lần nữa và
xin gởi hai bản , lần này nếu có thiếu sót chi tiết trên mẫu này thì xin
bà vui lòng ghi thêm vào , chúng tôi xin cảm ơn trước .

2 .- Theo thư đề ngày 5/9/1989 của quý hội có nói rằng : "
vì tôi ở bên Pháp nên không thể làm giấy bảo trợ " , có nghĩa là chúng
tôi vì ở bên này cho nên không thể làm giấy bảo trợ theo thủ tục bên
Mỹ , chứ không có trở ngại nào hết trong vấn đề ODP ?

Kính chúc Bà cùng quý hội gặp nhiều may mắn trên bước
đường cứu giúp người Việt chúng ta .

Nay kính thư



NGÔ TRIỀU HUNG

---*---

Ngày 5 Tháng 9 Năm 1989

Kính gửi :

Ô Ngô Triều Hùng

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày 24.8.89.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi diễn tiến điều hoà để
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dón phò đưa được
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực tử lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh đề cấp
tối. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thở

*** HỒ SƠ TÊN:

Nguyễn Hùng Tới.

(X) ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☐ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☐ GIẤY RA TRẠI
- ☐ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
- ☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- ☐ Giấy bảo trợ (nếu chết trong trại học tập)
- ☐ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ)
huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC: Vì ông ở Pháp nên không thể làm bảo trợ

NGUYEN TRIET HUNG

POSTERAY / S 8015
REL AN.1

16.08.89

VAL DE MARNE

0960

POSTES
S1 94188

68/5/01
no 8A mL

BA KHUC MINH THO
H.G.D.T.N.C.T
P.O. BOX 5435
ARLINGTON VA 22205-0635

U.S.A

SEP 25 1989



5/9/80
Membership
Date
Form 100
Computer
Release Order
Doc. Request Form
Card

CONTROL

CONTROL

☐ Card
☒ Doc. Request; Form 1/5/90
☐ Release Order
☐ Computer
☐ Form "D"
☐ ODP/Date
☐ Membership; Letter